

Ngày 30/06/2025	20,900 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.7%	17.4%	28.1%

	Q2/25	
ROE	14.8%	+/- YoY ▲ 0.4%

	Q2/25		
DT thuần	31.1	QoQ	YoY
		▼ 3.80	▼ 5.80
		▼ 10.9%	▼ 15.8%
	tỷ VNĐ		

	6T 2025	
DT thuần	66.0	YoY
		▼ 1.60
		▼ 2.5%
	tỷ VNĐ	

	Q2/25		
LN gộp	11.1	QoQ	YoY
		▼ 0.90	▼ 0.50
		▼ 7.2%	▼ 4.0%
	tỷ VNĐ		

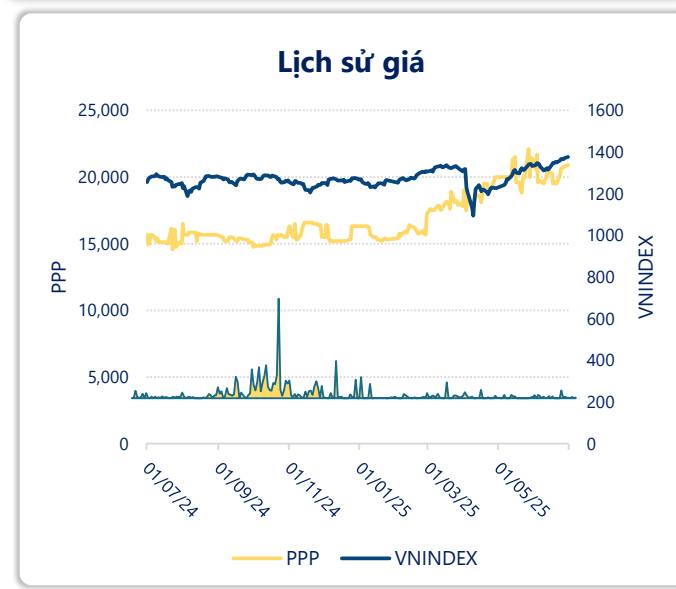
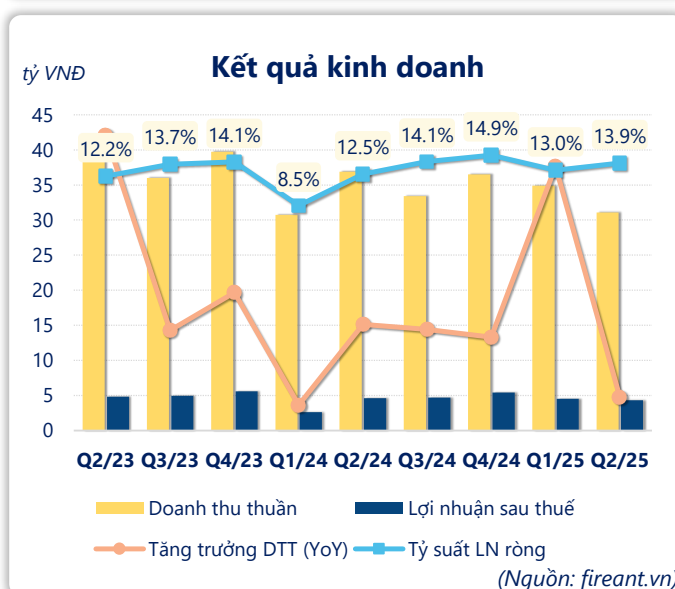
	6T 2025	
LN gộp	23.1	YoY
		▲ 2.00
		▲ 9.7%
	tỷ VNĐ	

	Q2/25		
LN thuần	5.35	QoQ	YoY
		▼ 0.26	▼ 0.33
		▼ 4.6%	▼ 5.7%
	tỷ VNĐ		

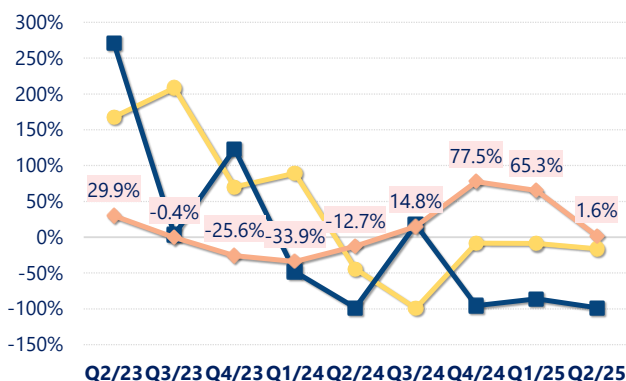
	6T 2025	
LN thuần	11.0	YoY
		▲ 2.11
		▲ 23.2%
	tỷ VNĐ	

	Q2/25		
LN sau thuế	4.32	QoQ	YoY
		▼ 0.21	▼ 0.28
		▼ 4.7%	▼ 6.1%
	tỷ VNĐ		

	6T 2025	
LN sau thuế	8.85	YoY
		▲ 1.63
		▲ 22.5%
	tỷ VNĐ	



Tăng trưởng lợi nhuận

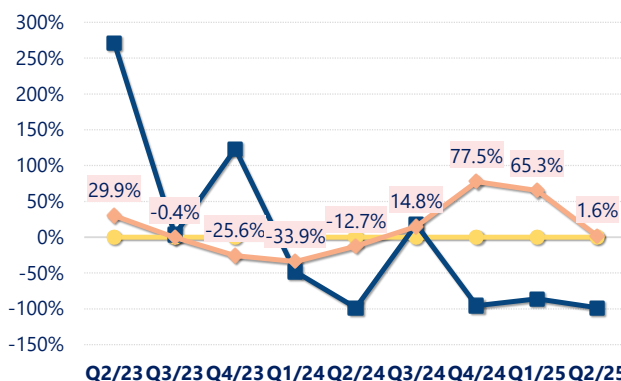


Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

Tăng trưởng LN thuần (YoY) Tăng trưởng EBIT (YoY)
Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

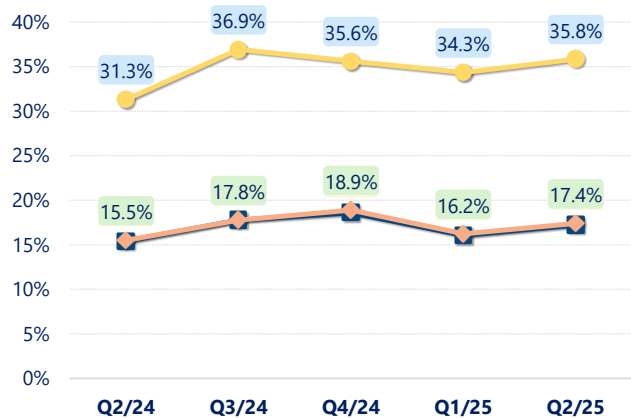


Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) Tăng trưởng EBIT (YoY)
Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

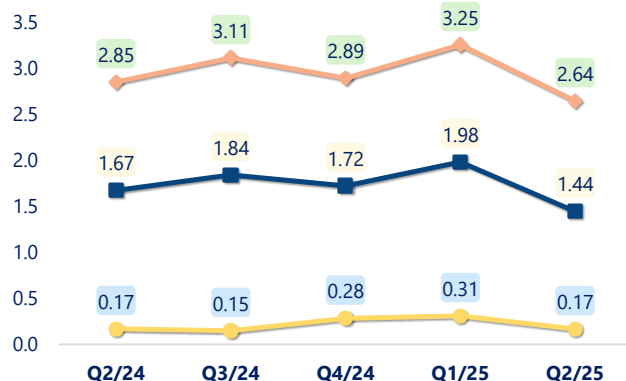


Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

Tỷ suất LN gộp Tỷ suất LN thuần Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

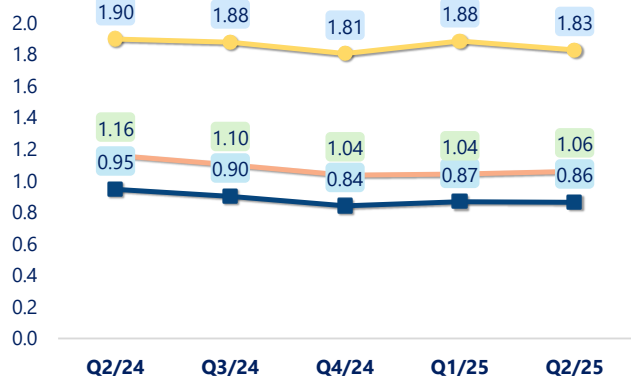


Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

Tỷ số thanh toán tiền mặt Tỷ số thanh toán nhanh
Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

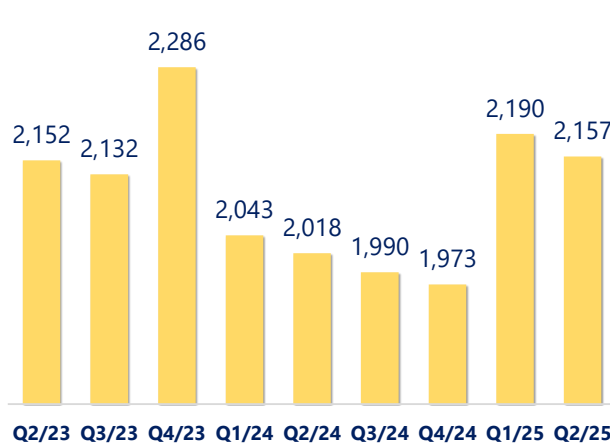


Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

Vòng quay TSCĐ Vòng quay Tổng TS
Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	31.1	36.9	-15.8%	66.0	67.6	-2.5%
Giá vốn hàng bán	19.9	25.3	-21.2%	42.9	46.6	-8.0%
Lợi nhuận gộp	11.1	11.6	-4.0%	23.1	21.1	9.7%
Doanh thu HĐTC	0.73	0.57	28.6%	0.79	0.67	18.0%
Chi phí TC	0.05	0.01	433%	0.06	0.02	247%
Chi phí lãi vay	0.02	0.00		0.02	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	3.33	3.22	3.4%	6.53	6.33	3.2%
Chi phí QLDN	3.14	3.20	-1.9%	6.36	6.50	-2.2%
LN thuần từ HĐKD	5.35	5.68	-5.7%	11.0	8.89	23.2%
Lợi nhuận khác	0.03	0.03	-8.6%	0.08	0.09	-9.7%
LN trước thuế	5.38	5.72	-5.9%	11.0	8.98	22.9%
Lợi nhuận sau thuế	4.32	4.60	-6.1%	8.85	7.22	22.5%
LNST của CĐ cty mẹ	4.32	4.60	-6.1%	8.85	7.22	22.5%

(Nguồn: fireant.vn)

